



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

я

ты

он

она

оно

мы

вы

они

что
вопрос

кто

где

зачем

как

какой

когда

тогда

если

на самом деле
действительно

но

потому что

не

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

это

что
это

все
вообще

или

и

здесь

там

левый

правый

сейчас

вторая половина дня

первая половина дня

ночь

утро

вечер

полдень

полночь

час

минута

секунда

день

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

неделя

месяц

год

вчера

сегодня

завтра

понедельник

вторник

среда

четверг

пятница

суббота

воскресенье

женщина

мужчина

любовь

парень

девушка

друг

поцелуй

секс

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

ребенок

девочка

мальчик

мама

папа

мать

отец

родители

сын

дочь

младшая сестра

младший брат

старшая сестра

старший брат

муж

жена

каждый

всегда

на самом деле
вообще-то

снова

уже

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

меньше

наиболее

больше

никто

очень

снаружи

внутри

далекий

близкий

ниже

выше

рядом

передний

задний

все
человек

вместе

другой

весна

лето

осень

зима

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

январь

февраль

март

апрель

май

июнь

июль

август

сентябрь

октябрь

ноябрь

декабрь

север

восток

юг

запад

часто

немедленно

вдруг

хотя

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Số

ноль

один

два

три

четыре

пять

шесть

семь

восемь

девять

десять

одиннадцать

двенадцать

тринадцать

четырнадцать

пятнадцать

шестнадцать

семнадцать

восемнадцать

девятнадцать

двадцать

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

двадцать один

двадцать два

двадцать шесть

тридцать

тридцать один

тридцать три

тридцать семь

сорок

сорок один

сорок четыре

сорок восемь

пятьдесят

пятьдесят один

пятьдесят пять

пятьдесят девять

шестьдесят

шестьдесят один

шестьдесят два

шестьдесят шесть

семьдесят

семьдесят один

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

семьдесят три

семьдесят семь

восемьдесят

восемьдесят один

восемьдесят четыре

восемьдесят восемь

девяносто

девяносто один

девяносто пять

девяносто девять

сто

сто один

сто пять

сто десять

сто пятьдесят один

двести

двести два

двести шесть

двести двадцать

двести шестьдесят два

триста

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

триста три

триста семь

триста тридцать

триста семьдесят три

четыреста

четыреста четыре

четыреста восемь

четыреста сорок

четыреста восемьдесят
четыре

пятьсот

пятьсот пять

пятьсот девять

пятьсот пятьдесят

пятьсот девяносто пять

шестьсот

шестьсот один

шестьсот шесть

шестьсот шестнадцать

шестьсот шестьдесят

семьсот

семьсот два

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

семьсот семь

семьсот двадцать семь

семьсот семьдесят

восемьсот

восемьсот три

восемьсот восемь

восемьсот тридцать
восемь

восемьсот восемьдесят

девятьсот

девятьсот четыре

девятьсот девять

девятьсот сорок девять

девятьсот девяносто

тысяча

тысяча один

тысяча двенадцать

тысяча двести тридцать
четыре

две тысячи

две тысячи два

две тысячи двадцать три

две тысячи триста сорок
пять

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

три тысячи

три тысячи три

четыре тысячи

четыре тысячи сорок пять

пять тысяч

пять тысяч шестьсот
семьдесят восемь

шесть тысяч

семь тысяч

семь тысяч восемьсот
девяносто

восемь тысяч

восемь тысяч девятьсот
один

девять тысяч

девять тысяч девяносто

десять тысяч

десять тысяч один

двадцать тысяч двадцать

тридцать тысяч триста

сорок четыре тысячи

сто тысяч

пятьсот тысяч

один миллион

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

шесть миллионов

десять миллионов

семьдесят миллионов

сто миллионов

восемьсот миллионов

один миллиард

девять миллиардов

десять миллиардов

двадцать миллиардов

сто миллиардов

триста миллиардов

один триллион

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Động từ

знать

думать

приходить

класть

брать

находить

слушать

работать

говорить

давать

нравиться

помогать

любить

звонить

ждать

стоять

сидеть

закрывать
дверь

открывать
дверь

проигрывать

побеждать

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

умирать

жить

включать

выключать

убивать

ранить

трогать

смотреть

пить

есть

гулять

встречаться

держаться пари
спорт

целовать

следовать

жениться

отвечать

спрашивать

потянуть

толкнуть

нажимать

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

ударить

ловить

бороться

бросать

бежать

читать

писать

ремонттировать

считать

вырезать

продавать

покупать

платить

учиться

мечтать

спать

играть

праздновать

наслаждаться

чистить

стрелять

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

защищать

атаковать

красть

жечь

спасать

летать

плевать

пинать

кусать

дышать

нюхать

плакать

петь

улыбаться

смеяться

расти

уменьшаться

спорить

делиться

кормить

прятаться

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhớ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

предупреждать

плавать

прыгать

поднимать

копать

доставлять

искать

тренироваться

путешествовать

рисовать

открывать
запóр

закрывать
запóр

мыть

молиться

готовить

тошнить

кричать

цитировать

печатать

вычислять

зарабатывать

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Tính từ

новый

старый
новый

немногие

многие

неправильный

правильный

плохой

хороший

счастливый

короткий

длинный

маленький

большой

красивый
женщина

молодой

старый
молодой

белый

черный

красный

синий

зеленый

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

желтый

медленный

быстрый

смешной

несправедливый

справедливый

сложный

легкий
сложный

богатый

бедный

сильный

слабый

безопасный

уставший

гордый

сытый

больной

здоровый

сердитый

низкий
диаграмма

высокий
диаграмма

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

сладкий

кислый

мягкий

жесткий

милый

глупый
головой мозг

сумасшедший

занятый

высокий
тело

низкий
тело

обеспокоенный

удивленный

воспитанный

злой

умный

холодный

горячий

оранжевый

серый

коричневый

розовый

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

скучный

тяжелый

легкий
тяжелый

одинокый

голодный

жаждущий

грустный

крутой
холм

плоский

узкий

широкий

глубокий

мелкий

огромный

грязный

чистый

полный
пустой

пустой

дорогой

дешевый

сексуальный

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

đốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

ленивый

храбрый

щедрый

влажный

сухой

громкий

тихий
80%

солнечный

дождливый

туманный

облачный

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Thể thao

гимнастика

теннис

бег

езда на велосипеде

гольф

футбол

баскетбол

плавание

дайвинг

пеший туризм

марафон

триатлон

настольный теннис

тяжелая атлетика

бокс

бадминтон

фигурное катание

сноуборд

горнолыжный спорт

лыжные гонки

хоккей

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

волейбол

гандбол

пляжный волейбол

регби

крикет

бейсбол

американский футбол

водное поло

прыжки в воду

серфинг

парусный спорт

гребля

йога

танцы

парашютный спорт

шахматы

покер

боулинг

балет

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Động vật

свинья

корова

лошадь

собака

овца

обезьяна

кошка

медведь

курица
животное

утка

бабочка

пчела

рыба
животное

паук

змея

тигр

мышь
животное

кролик

лев

осел

слон

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

голубь

жук

комар

муха

муравей

кит

акула

дельфин

улитка

лягушка

панда

белый медведь

волк

коала

кенгуру

жираф

лиса

бегемот

летучая мышь

ворон

лебедь

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

чайка

сова

ПИНГВИН

попугай

гусеница

стрекоза

кальмар

осьминог

морской конек

тюлень

медуза

краб

динозавр

черепаха
ИДТИ

крокодил

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Quốc gia

Европа

Азия

Америка

Африка

Великобритания

Испания

Швейцария

Италия

Франция

Германия

Таиланд

Сингапур

Россия

Япония

Израиль

Индия

Китай

Соединенные Штаты
Америки

Мексика

Канада

Чили

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

Бразилия

Аргентина

Южная Африка

Нигерия

Марокко

Ливия

Кения

Алжир

Египет

Новая Зеландия

Австралия

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Cơ thể

голова

нос

волос

рот

ухо

глаз

рука
палец

стопа

сердце

головной мозг

шея

ягодицы

плечо

колени

нога

рука
плечо, локоть

живот

грудь

спина

зуб

язык

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

губа

палец

палец на ноге

желудок

легкое

печень

нерв

почка

кишечник

лоб

подбородок

щека

борода

большой палец

мизинец

безымянный палец

средний палец

указательный палец

ноготь

пятка

ПОЗВОНОЧНИК

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

мышца

кость
тело

скелет

ребро

позвонок

мочевой пузырь

вена

артерия

влагалище

сперма

пенис

яичко

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Ngôi nhà

дверь

кухня

ванная

гостиная

спальня

сад

гараж

стена

подвал

туалет
дом

лестница
дом

крыша

окно

нож

чашка

стакан

тарелка

кружка

корзина для мусора

миска

письменный стол

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

кровать

зеркало

душ

диван

картина
камера

часы
стена

стол

стул

сосед

лифт

балкон

чердак

дымовая труба

деревянная ложка

палочка для еды

столовые приборы

ложка

вилка

половник

горшок

сковорода

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

лампочка

книжная полка

занавеска

матрас

подушка

одеяло

полка

выдвижной ящик

гардероб

ведро

метла

весы

корзина для белья

ванна

банное полотенце

мыло

туалетная бумага

полотенце

раковина

лестница
сад

почтовый ящик

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

забор



hàng rào

Thức ăn

яйцо

сыр

молоко

рыба
еда

мясо

кость
еда

масло

хлеб

сахар

шоколад

конфета

торт

вода

кофе

чай

пиво

вино

салат
еда

суп

десерт

завтрак

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

обед

ужин

пицца

мороженое

сливочное масло

йогурт

тунец

лосось

ветчина

бекон

колбаса

индюшати́на

курица
еда

говядина

свинина

ягнати́на

тыква

гриб

трюфель

чеснок

лук-порей

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cục

имбирь

баклажан

сладкий картофель

морковь

огурец

перец чили

перец
овощ

лук

картошка

цветная капуста

капуста

брокколи

салат
овощ

шпинат

бамбук
еда

кукуруза

сельдерей

горох

фасоль

груша

яблоко

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

оливка

инжир

финик

кокос

миндаль

лесной орех

арахис

банан

манго

киви

авокадо

ананас

арбуз

виноград

дыня

малина

черника

клубника

вишня

слива

абрикос

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dưa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

персик

лимон

грейпфрут

апельсин

помидор

мята

лемонграсс

корица

ваниль

соль

перец
специя

карри

табак

тофу

уксус

лапша

соевое молоко

мука

рис

овсянка

пшеница

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

соя

орех

мед

варенье

жевательная резинка

блин

печенье

пудинг

кекс

пончик

энергетический напиток

апельсиновый сок

яблочный сок

молочный коктейль

кола

горячий шоколад

коктейль

ром

виски

водка

меню

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

морепродукты

спагетти

суши

попкорн

чипсы

куриные крылышки

картофель-фри

горчица

майонез

кетчуп

сэндвич

хот-дог

бургер

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Trường học

книга

библиотека

домашнее задание

экзамен

урок

наука

история

изобразительное искусство

ручка

карандаш

первый

второй

третий

четвертый

исследование

степень

спортивная площадка

словарь

семестр

тетрадь

геометрия

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

nghiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

политика

философия

экономика

физическая культура

биология

математика

география

литература

химия

физика

линейка

ластик

ножницы

скотч

клей

шариковая ручка

скрепка

три процента

сто процентов

ноль процентов

кубический метр

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

3%

kẹp giấy

bút bi

mét khối

0%

100%

квадратный метр

миля

метр

миллиметр

сантиметр

дециметр

сложение

вычитание

умножение

деление

площадь

объем

прямоугольник

квадрат

треугольник

круг

литр

миллилитр

тонна

килограмм

грамм

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

магнит

микроскоп

воронка

лаборатория

лекция

cái phễu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Thiên nhiên

пепел

огонь

алмаз

Луна

солнце

звезда

планета

побережье

озеро

лес

пустыня

холм

утес

река

долина

гора

остров

океан

море

лед

снег

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

буря

дождь

ветер

дерево

трава

роза

цветок

металл

почва

лава

уголь

песок

глина

ракета

спутник

галактика

астероид

континент

экватор

Южный полюс

Северный полюс

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

ручей

тропический лес

пещера

водопад

берег

ледник

землетрясение

кратер

вулкан

атмосфера

наводнение

туман

радуга

гром

молния
гроза

гроза

температура

тайфун

ураган

облако

ветвь

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

лист

корень

ствол

семя

пластик

углекислый газ

атом

железо

кислород

золото

серебро

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

Giao thông

автомобиль

автобус

поезд

железнодорожная станция

автобусная остановка

самолет

корабль

грузовик

велосипед

мотоцикл

такси

светофор

автомобильная стоянка

дорога

аккумулятор

двигатель
автомобиль

подушка безопасности

руль

ремень безопасности

шина

багажник

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

автомат по продаже
билетов

билетная касса

метро

высоко скоростной поезд

локомотив

трамвай

школьный автобус

микроавтобус

аэропорт

авиакомпания

вертолет

первый класс

эконом-класс

бизнес-класс

спасательный жилет

контейнер

подводная лодка

круизное судно

грузовое судно

яхта

паром

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

гавань

спасательная шлюпка

радар

уличное освещение

тротуар

заправка

строительная площадка

пешеходный переход

пробка

автомагистраль

танк

экскаватор

трактор

прицеп

мопед

фуникулер

ra đũa

xuống cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-moóc

máy kéo

xe cáp treo

Thành phố

больница

школа

дом
здание

счет

рынок

супермаркет

квартира

университет

ферма

церковь

ресторан

бар

тренажерный зал

парк

туалет
парк

карта

скорая помощь

полиция

пожарные

страна

пригород

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

деревня

гарантия

торговый центр

аптека

небоскреб

замок

посольство

синагога

храм

завод

мечеть

ратуша

почта

фонтан

ночной клуб

скамейка

поле для гольфа

футбольный стадион

бассейн
здание

теннисный корт

информация для туристов

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

казино

галерея искусств

музей

национальный парк

сувенир

аквариум

водная горка

американские горки

аквапарк

зоопарк

детская площадка

запасный выход
здание

пожарная тревога

огнетушитель

полицейский участок

государство

область

столица

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Bệnh viện

авария

пациент

хирургия

пилюля

лихорадка

кашель

отделение скорой помощи

отделение интенсивной
терапии

зал ожидания

аспирин

снотворное

срок годности

дозировка

сироп от кашля

побочный эффект

инсулин

порошок

капсула

витамин

болеутоляющее средство

антибиотики

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

бактерия

вирус

инфаркт

понос

диабет

инсульт

астма

рак

грипп

зубная боль

солнечный ожог

боль в горле

боль в животе

инфекционное
заболевание

аллергия

судорога

головная боль

шприц

КОСТЫЛЬ

рентгеновский снимок

ультразвуковой аппарат

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quỵ

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

пластырь

инвалидная коляска

гипсовая повязка

пульс

травма

экстренный случай

сотрясение

ожог

перелом

противозачаточная таблетка

тест на беременность

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

Nghề nghiệp

врач

медсестра

полицейский

президент

капитан

детектив

пилот

профессор

учитель

адвокат

секретарь

помощник

судья

менеджер

повар

водитель такси

водитель автобуса

модель

художник

премьер-министр

фармацевт

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

пожарный

дантист

предприниматель

политик

программист

стюардесса

ученый

воспитатель детского сада

архитектор

бухгалтер

консультант

прокурор

генеральный директор

телохранитель

арендодатель

официант

охранник

солдат

рыбак

уборщик

водопроводчик

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

электрик

фермер

секретарь в приемной

почтальон

кассир

парикмахер

автор

журналист

фотограф

спасатель

певец

музыкант

актер

репортер

тренер

арбитр

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Kinh doanh

деньги

офис

стресс

страхование

персонал

отдел

зарплата

адрес

письмо

номер телефона

URL

адрес электронной почты

веб-сайт

электронная почта

подпись

потеря

прибыль

клиент

сумма

кредитная карточка

пароль

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

банкомат

налог

комната для переговоров

визитная карточка

ИТ

отдел кадров

юридический отдел

учет

маркетинг

продажи

коллега

работодатель

наемный рабочий

заметка

презентация

папка
офис

штамп

проектор

посылка

почтовая марка

конверт

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

браузер

инвестиция

фондовая биржа

банкнота

монета

процент

заем

номер счёта

банковский счёт

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Thiết bị

телефон

телевизор

камера

радио

вентилятор

кондиционер

кофеварка

тостер

пылесос

фен

чайник

посудомоечная машина

плита

духовка

микроволновая печь

холодильник

стиральная машина

дистанционное управление

наушник

мышь
ноутбук

клавиатура

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

жесткий диск

флешка

сканер

принтер

экран
ноутбук

ноутбук

робот

громкоговоритель

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt